TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT M** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngµy 18 - 6 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT M
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ M

Bà Đỗ Thị Vân A

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Bích H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lò Thị P, sinh năm 1993;**

Địa chỉ: Bản N, thị trấn M, huyện M, tỉnh K.

- Bị đơn: **Anh Hoàng M, sinh năm 1986;**

Địa chỉ: Tổ 16, khu H, phường M, thành phố V, tỉnh P. Hiện đang cải tạo tại: Đội 16, phân trại 4, Trại giam P, tỉnh T.

(Chị P, anh M đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lò Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15/4/2024 chị trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng M có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh K. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh M ở với nhau được hai tháng thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 07/2012 đến nay. Vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Theo chị được biết ngày 15/5/2023, anh M bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" và hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam P, tỉnh T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng M.

- Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng M hiện đang cải tạo tại Trại giam P, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt và tại bản tự khai ngày 14/5/2024 anh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lò Thị P đăng ký kết hôn ngày 03/5/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh K. Trước khi kết hôn vợ chồng anh có tự do tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại M, K. Vợ chồng anh chung sống tới khi anh vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Đến nay bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ anh xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Không có công sức đóng góp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị P và anh M đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 BLTTDS Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị P về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị P và anh Hoàng M.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị P tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị P nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" giữa nguyên đơn chị Lò Thị P và bị đơn anh Hoàng M. Anh M có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 16, khu H, phường M, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn anh Hoàng M hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an, chị P và anh M đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh M.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P, anh M là vợ chồng và có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 03/5/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh K. Quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh M đã thực hiện hành vi phạm tội nên tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HSST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P đã xét xử 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Trước đó năm 2013 và năm 2016 anh M còn hai lần bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Hiện nay, anh M đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam P - Bộ Công an. Chị P xác định vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 7/2012 đến nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy thác cho Trại giam Phú Sơn 4 tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh M và lấy lời khai hoặc cho anh M tự khai thể hiện quan điểm đối với việc chị P xin ly hôn anh. Quan điểm của anh M cũng đồng ý được ly hôn chị P vì anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh M không có hạnh phúc, nay anh chị đều thuận tình ly hôn. Vì vậy, Tòa án cần công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

- Về con chung: Xét thấy giữa chị P và anh M không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

- Về tài sản chung; nợ chung; công sức đóng góp: Chị P và anh M đều xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị P và anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng chị P xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên được chấp nhận. Các đương sự đều có quyền kháng cáo.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

V× c¸c lÏ trªn;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị P về việc "Ly hôn".

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị P và anh Hoàng M.

3. Về con chung: Xác định chị Lò Thị P và anh Hoàng M không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lò Thị P và anh Hoàng M đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lò Thị P và anh Hoàng M mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng chị Lò Thị P tự nguyện xin chịu toàn bộ 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005943 ngày 29/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P. Chị P được hoàn trả lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp.

6. Chị P, anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- UBND TT. M, H. M, T. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị H